

**THÔNG BÁO**

**Niêm yết công khai chất lượng, cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý,  
nhân viên và tài chính nhà trường cuối học kỳ I**

**Năm học 2023-2024**

*(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT)*

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 00 phút, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Tại Trường Mầm non Phước Hiệp

Chúng tôi gồm:

1. Bà Phạm Thị Minh Hiếu - Chức vụ: Hiệu trưởng.
2. Bà Lê Thị Hồng Luận - Chức vụ: Giáo viên, Chủ tịch Công đoàn.
3. Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên- Chức vụ: Giáo viên, Trưởng Ban Thanh tra nhân dân.

*Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.*

Tiến hành thông báo niêm yết công khai: Cam kết chất lượng giáo dục cuối học kỳ I năm học 2023-2024 ( Mẫu 1); Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế ( Mẫu 2 ); Công khai thông tin cơ sở vật chất ( Mẫu 3); Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên ( Mẫu 4) đến cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh được biết. Cụ thể như sau:

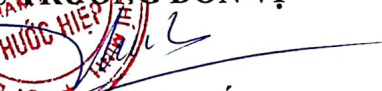
- Thời gian:

+ Công khai ngày 31/01/2024

+ Kết thúc công khai: 29/02/2024

- Hình thức công khai: Niêm yết; Cổng thông tin điện tử

Biên bản được lập và lưu giữ hồ sơ của nhà trường

  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
  
**Phạm Thị Minh Hiếu**

  
**NGƯỜI CÔNG KHAI**  
  
**Lê Thị Hồng Luận**

**NGƯỜI GIÁM SÁT**

  
**Nguyễn Thị Cẩm Tiên**

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 - 2024**

| STT | Nội dung                                                     | Nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I   | Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được | <p><b>Chất lượng về nuôi dưỡng, chăm sóc:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% trẻ được cân, đo và được theo dõi sức khỏe qua biểu đồ tăng trưởng.</li> <li><b>* Cân nặng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kênh Bình thường: 22/22 trẻ, tỉ lệ 100 %.</li> <li>- Kênh dư cân: 0/22 trẻ, tỉ lệ 0%.</li> <li>- Kênh suy dinh dưỡng: 0/22 trẻ, tỉ lệ 0%.</li> </ul> </li> <li><b>* Chiều cao:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kênh Bình thường: 22/22 trẻ, tỉ lệ 100 %.</li> <li>- Kênh cao hơn: 0/22 trẻ, tỉ lệ 0%.</li> <li>- Kênh thấp còi: 0/22 trẻ, tỉ lệ 0%.</li> <li>- Đảm bảo vệ sinh cá nhân trẻ và vệ sinh an toàn thực phẩm.</li> <li>- Thực hiện tốt chế độ dinh dưỡng, cung cấp đầy đủ 04 nhóm thực phẩm cho trẻ phù hợp với lứa tuổi, phù hợp theo mùa.</li> <li>- 100% trẻ được phát triển toàn diện cả thể chất và tinh thần.</li> </ul> </li> </ul> | <p><b>Chất lượng về nuôi dưỡng, chăm sóc:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% trẻ được cân, đo và được theo dõi sức khỏe qua biểu đồ tăng trưởng.</li> <li><b>* Cân nặng:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kênh Bình thường: 272/310 trẻ, tỉ lệ 87,74%.</li> <li>- Kênh dư cân: 38/310 trẻ, tỉ lệ 12,25%.</li> </ul> </li> <li><b>* Chiều cao:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kênh Bình thường: 309/310 trẻ, tỉ lệ 99,67 %</li> <li>- Kênh thấp còi: 1/310 trẻ, tỉ lệ 0,32%</li> <li>- Đảm bảo vệ sinh cá nhân trẻ và vệ sinh an toàn thực phẩm.</li> <li>- Thực hiện tốt chế độ dinh dưỡng, cung cấp đầy đủ 04 nhóm thực phẩm cho trẻ phù hợp với lứa tuổi, phù hợp theo mùa.</li> <li>- 100% trẻ được phát triển toàn diện cả thể chất và tinh thần.</li> </ul> </li> </ul> |
| II  | Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện       | 100% giáo viên thực hiện chương trình CSGD theo Thông tư số 51/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2020 sửa đổi bổ sung một số nội dung của CTGDMN ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ban hành ngày 25/7/2009 đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| III | Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển       | <p><b>I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT</b></p> <p>Giáo dục phát triển thể chất giai đoạn 1 tổng số 18/22 trẻ thực hiện được các vận động đi, chạy, bật và</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <p><b>I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT</b></p> <p>Giáo dục phát triển thể chất học kỳ I tổng số 201 /237 trẻ đạt 85% còn lại</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>lần bóng, lật sách đạt 81,8 % còn lại 4/22 trẻ chưa đạt tỷ lệ 18,2 %.</p> <p><b>II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC.</b></p> <p>Giáo dục phát triển nhận thức giai đoạn 1 tổng số 19 /22 trẻ đạt 86,3% còn lại 3/22 trẻ chưa đạt tỷ lệ 13,7 % trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 86,3% cháu nhận biết được màu sắc, đồ vật, hướng dẫn sức khỏe mùa dịch</li> <li>+ 86,3% cháu nhận biết được cô và bạn</li> </ul> <p><b>III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ</b></p> <p>Giáo dục phát triển ngôn ngữ giai đoạn 1 tổng số 17/22 trẻ biết lắng nghe và trả lời câu hỏi của cô đạt 77,2% còn lại 5/22 trẻ chưa đạt tỷ lệ 22,8 %. <b>PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ.</b></p> <p>Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ giai đoạn 1 tổng số 20/22 trẻ tích cực hát, vận động theo nhạc cùng cô đạt tỷ lệ 90,9% còn lại 2/22 trẻ chưa đạt tỷ lệ 9,1%.</p> | <p>36/237 trẻ chưa đạt tỷ lệ 15% trong đó .</p> <p><b>1. Phát triển vận động.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.</li> <li>- 80% trẻ có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.</li> <li>- 83% trẻ thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.</li> <li>- 80% trẻ có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.</li> <li>- 83% trẻ có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.</li> <li>- 90% trẻ thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.</li> <li>- 88% trẻ thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt.</li> </ul> <p><b>2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 87% trẻ có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.</li> <li>- 90% trẻ có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.</li> <li>- 93% trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.</li> <li>- 88% trẻ biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.</li> </ul> <p><b>II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC.</b></p> <p>Giáo dục phát triển nhận thức học kỳ I tổng số 198/237 trẻ đạt 83% còn lại 39/237 trẻ chưa đạt tỷ lệ 17% trong đó”:</p> |
|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

**3. Nhóm phát triển hạn**

Đ1 %: An biết hạn của nhà mình, được nhóm phát triển hạn cho được, nhà có thể biết được trong vòng quanh.

Đ2 %: An được biết nhà mình được hạn của nhà mình, nhà mình biết được hạn của nhà mình, nhà mình biết được hạn của nhà mình.

Đ3 %: An biết hạn của nhà mình, được nhóm phát triển hạn cho được, nhà có thể biết được trong vòng quanh.

**4. Nhóm phát triển hạn**

Đ4 %: An biết hạn của nhà mình, được nhóm phát triển hạn cho được, nhà có thể biết được trong vòng quanh.

Đ5 %: An biết hạn của nhà mình, được nhóm phát triển hạn cho được, nhà có thể biết được trong vòng quanh.

Đ6 %: An biết hạn của nhà mình, được nhóm phát triển hạn cho được, nhà có thể biết được trong vòng quanh.

Đ7 %: An biết hạn của nhà mình, được nhóm phát triển hạn cho được, nhà có thể biết được trong vòng quanh.

Đ8 %: An biết hạn của nhà mình, được nhóm phát triển hạn cho được, nhà có thể biết được trong vòng quanh.

Đ9 %: An biết hạn của nhà mình, được nhóm phát triển hạn cho được, nhà có thể biết được trong vòng quanh.

**5. Nhóm phát triển hạn**

Đ10 %: An biết hạn của nhà mình, được nhóm phát triển hạn cho được, nhà có thể biết được trong vòng quanh.

Đ11 %: An biết hạn của nhà mình, được nhóm phát triển hạn cho được, nhà có thể biết được trong vòng quanh.

Đ12 %: An biết hạn của nhà mình, được nhóm phát triển hạn cho được, nhà có thể biết được trong vòng quanh.

Đ13 %: An biết hạn của nhà mình, được nhóm phát triển hạn cho được, nhà có thể biết được trong vòng quanh.

**III. CÁC MỤC PHÂN TÍCH**

1. Các mục phân tích như sau:

Đ1 %: An biết hạn của nhà mình, được nhóm phát triển hạn cho được, nhà có thể biết được trong vòng quanh.

Đ2 %: An biết hạn của nhà mình, được nhóm phát triển hạn cho được, nhà có thể biết được trong vòng quanh.

Đ3 %: An biết hạn của nhà mình, được nhóm phát triển hạn cho được, nhà có thể biết được trong vòng quanh.

Đ4 %: An biết hạn của nhà mình, được nhóm phát triển hạn cho được, nhà có thể biết được trong vòng quanh.

Đ5 %: An biết hạn của nhà mình, được nhóm phát triển hạn cho được, nhà có thể biết được trong vòng quanh.

Đ6 %: An biết hạn của nhà mình, được nhóm phát triển hạn cho được, nhà có thể biết được trong vòng quanh.

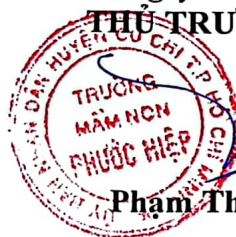
Đ7 %: An biết hạn của nhà mình, được nhóm phát triển hạn cho được, nhà có thể biết được trong vòng quanh.

|    |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|----|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 90% trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.</li> <li>- 80% trẻ có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.</li> </ul> <p><b>VI. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI</b></p> <p>Giáo dục phát triển tình cảm – xã hội học kỳ I tổng số 201/237 trẻ đạt 85% còn lại 36/237 trẻ chưa đạt tỷ lệ 15 % trong đó”:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 85% trẻ có ý thức về bản thân.</li> <li>- 77% trẻ nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh.</li> <li>- 78% trẻ mạnh dạn, tự tin, tự lực.</li> <li>- 84% trẻ thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường, lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.</li> <li>- 88% trẻ thực hiện hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.</li> <li>- 85% trẻ quan tâm đến môi trường.</li> </ul> <p><b>V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ</b></p> <p>Giáo dục phát triển Thẩm mỹ học kỳ I tổng số 202/237 trẻ đạt 85,23% còn lại 34/237 trẻ chưa đạt tỷ lệ 14,36% trong đó”:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 80% trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật(âm nhạc, tạo hình).</li> <li>- 85% trẻ có kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (hát, vận động theo nhạc)và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).</li> <li>- 88% trẻ thể hiện sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình) có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.</li> </ul> |
| IV | Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục | -Môi trường hoạt động thông thoáng, sạch sẽ. Có đầy đủ đồ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

|                                 |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|---------------------------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| trẻ ở cơ sở giáo dục<br>mầm non |  | <p>dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ.<br/>Trang bị đủ đồ dùng học tập, đồ chơi. Trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm</li> <li>- Đội ngũ CB, GV, NV đạt chuẩn trở lên.</li> <li>- Sự phối kết hợp chặt chẽ giữa CMHS và Nhà trường.</li> <li>- Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong mọi hoạt động của Nhà trường./.</li> </ul> |
|---------------------------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

Củ Chi, ngày 31 tháng 01 năm 2024

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



*Phạm Thị Minh Hiếu*  
**Phạm Thị Minh Hiếu**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÚ CHI  
TRƯỜNG MẦM NON PHƯỚC HIỆP

**THÔNG BÁO**  
**Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023 - 2024**

| STT        | Nội dung                                                         | Tổng số trẻ em | Nhà trẻ         |                  |                  | Mẫu giáo |          |          |
|------------|------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|------------------|------------------|----------|----------|----------|
|            |                                                                  |                | 3-12 tháng tuổi | 13-24 tháng tuổi | 25-36 tháng tuổi | 3-4 tuổi | 4-5 tuổi | 5-6 tuổi |
| <b>I</b>   | <b>Tổng số trẻ em</b>                                            | 326            | 0               | 0                | 15               | 57       | 88       | 166      |
| 1          | Số trẻ em nhóm ghép                                              | 0              |                 |                  | 0                | 0        | 0        | 0        |
| 2          | Số trẻ em học 1 buổi/ngày                                        | 0              |                 |                  | 0                | 0        | 0        | 0        |
| 3          | Số trẻ em học 2 buổi/ngày                                        | 326            |                 |                  | 15               | 57       | 88       | 166      |
| 4          | Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập                                | 0              |                 |                  | 0                | 0        | 0        | 0        |
| <b>II</b>  | <b>Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú</b>                         | 308            |                 |                  | 15               | 57       | 88       | 148      |
| <b>III</b> | <b>Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe</b>                  | 326            |                 |                  | 15               | 57       | 88       | 166      |
| <b>IV</b>  | <b>Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng</b> | 326            |                 |                  | 15               | 57       | 88       | 166      |
| <b>V</b>   | <b>Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em</b>                    |                |                 |                  |                  |          |          |          |
| 1          | Số trẻ cân nặng bình thường                                      | 279            |                 |                  | 15               | 56       | 82       | 126      |
| 2          | Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân                                | 0              |                 |                  | 0                | 0        | 0        | 0        |
| 3          | Số trẻ có chiều cao bình thường                                  | 325            |                 |                  | 15               | 57       | 88       | 166      |

|           |                                                         |     |  |  |    |    |    |     |
|-----------|---------------------------------------------------------|-----|--|--|----|----|----|-----|
| 4         | Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi                      | 1   |  |  | 0  | 0  | 0  | 1   |
| 5         | Số trẻ thừa cân béo phì                                 | 46  |  |  | 0  | 1  | 6  | 39  |
| <b>VI</b> | <b>Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục</b> |     |  |  |    |    |    |     |
| 1         | Chương trình giáo dục nhà trẻ                           | 15  |  |  | 15 | 0  | 0  | 0   |
| 2         | Chương trình giáo dục mẫu giáo                          | 326 |  |  | 0  | 57 | 88 | 166 |

Củ Chi, ngày 31 tháng 01 năm 2024



**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**Phạm Thị Minh Hiếu**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ CHI  
TRƯỜNG MẦM NON PHƯỚC HIỆP

**THÔNG BÁO**  
**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non**  
**năm học 2023 – 2024**

| ST<br>T     | Nội dung                                                                                                                       | Số lượng | Bình quân                                                     |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>    | <b>Tổng số phòng</b>                                                                                                           | 16       | Số m <sup>2</sup> /trẻ em                                     |
| <b>II</b>   | <b>Loại phòng học</b>                                                                                                          |          | -                                                             |
| 1           | Phòng học kiên cố                                                                                                              | 16       | -                                                             |
| 2           | Phòng học bán kiên cố                                                                                                          |          | -                                                             |
| 3           | Phòng học tạm                                                                                                                  |          | -                                                             |
| 4           | Phòng học nhờ                                                                                                                  |          | -                                                             |
| <b>III</b>  | <b>Số điểm trường</b>                                                                                                          | 01       | -                                                             |
| <b>IV</b>   | <b>Tổng diện tích đất toàn trường (m<sup>2</sup>)</b>                                                                          | 4348,3   | 18,2                                                          |
| <b>V</b>    | <b>Tổng diện tích sân chơi (m<sup>2</sup>)</b>                                                                                 | 1073     | 4.48                                                          |
| <b>VI</b>   | <b>Tổng diện tích một số loại phòng</b>                                                                                        |          |                                                               |
| 1           | Diện tích phòng sinh hoạt chung (m <sup>2</sup> )                                                                              | 849      | 3.5                                                           |
| 2           | Diện tích phòng ngủ (m <sup>2</sup> )                                                                                          |          |                                                               |
| 3           | Diện tích phòng vệ sinh (m <sup>2</sup> )                                                                                      | 263.01   | 1.1                                                           |
| 4           | Diện tích hiên chơi (m <sup>2</sup> )                                                                                          |          |                                                               |
| 5           | Diện tích phòng giáo dục thể chất (m <sup>2</sup> )                                                                            |          |                                                               |
| 6           | Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m <sup>2</sup> )                                                  | 135      | 0.56                                                          |
| 7           | Diện tích nhà bếp và kho (m <sup>2</sup> )                                                                                     | 139.252  | 0.58                                                          |
| <b>VII</b>  | <b>Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>                                                          |          | 16 bộ/11 lớp                                                  |
| 1           | Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định                                                               | 16       | 11/11                                                         |
| 2           | Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định                                                           | 11       | 11/11                                                         |
| <b>VIII</b> | <b>Tổng số đồ chơi ngoài trời</b>                                                                                              | 40       | Số bộ/sân chơi ( trường)                                      |
| <b>IX</b>   | <b>Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)</b> | 17       | Máy vi tính: 9<br>Laptop: 2<br>Máy in: 05<br>1 bảng tương tác |
| <b>IX</b>   | <b>Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác</b>                                                                                  |          | Số thiết bị/nhóm (lớp)                                        |

|    |                                     |                      |                          |
|----|-------------------------------------|----------------------|--------------------------|
| 1  | Ti vi                               | 11                   | 1 cái/ lớp               |
| 2  | Nhạc cụ ( Đàn organ, ghi ta, trống) | 14                   | 1 cây đàn organ/ lớp     |
| 3  | Máy phô tô                          | 1                    | Dùng chung               |
| 5  | Catsset                             | 1                    | Dùng chung               |
| 6  | Đầu Video/đầu đĩa                   | 2                    | 1 cái/ lớp               |
| 7  | Thiết bị khác                       | 1                    | Amplify – loa            |
| 8  | Đồ chơi ngoài trời                  | 40                   | Dùng chung               |
| 9  | Bàn ghế đúng quy cách               | Bàn: 240<br>Ghế: 500 | 2 trẻ/ bàn<br>1 trẻ/ ghế |
| 10 | Thiết bị khác...                    |                      |                          |
| .. | .....                               |                      |                          |

| XI | Nhà vệ sinh             | Số lượng (m <sup>2</sup> ) |                   |                                                 |                           |        |
|----|-------------------------|----------------------------|-------------------|-------------------------------------------------|---------------------------|--------|
|    |                         | Dùng cho giáo viên         | Dùng cho học sinh |                                                 | Số m <sup>2</sup> /trẻ em |        |
|    |                         |                            | Chung             | Nam/Nữ                                          | Chung                     | Nam/Nữ |
| 1  | Đạt chuẩn vệ sinh*      | 03                         | 16                | Bồn tiểu nam: 3<br>cái/ lớp<br>Nhà VS 1 cái/lớp |                           |        |
| 2  | Chưa đạt chuẩn vệ sinh* |                            |                   |                                                 |                           |        |

(\*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu )

|      |                                                      | Có | Không |
|------|------------------------------------------------------|----|-------|
| XII  | Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh                     | X  |       |
| XIII | Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)                   |    | X     |
| XIV  | Kết nối internet (ADSL)                              | X  |       |
| XV   | Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục | X  |       |
| XVI  | Tường rào xây                                        | X  |       |
| ..   | ...                                                  |    |       |

Củ Chi, ngày 31 tháng 01 năm 2024

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



**Phạm Thị Minh Hiếu**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI  
TRƯỜNG MẦM NON PHƯỚC HIỆP

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023– 2024**

| ST<br>T    | Nội dung                                              | Tổ<br>ng<br>số | Trình độ đào tạo |         |    |        |        |            | Hạng chức danh nghề nghiệp |             |            | Chuẩn nghề nghiệp |     |        |     |
|------------|-------------------------------------------------------|----------------|------------------|---------|----|--------|--------|------------|----------------------------|-------------|------------|-------------------|-----|--------|-----|
|            |                                                       |                | TS               | Th<br>S | ĐH | C<br>Đ | T<br>C | Dưới<br>TC | Hạng<br>IV                 | Hạng<br>III | Hạng<br>II | Tốt               | Khá | T<br>B | Kém |
|            | <b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b> | 30             |                  |         | 22 | 3      | 1      | 4          | 8                          | 7           | 3          |                   |     |        |     |
| <b>I</b>   | <b>Giáo viên</b>                                      | 21             |                  |         | 18 | 3      |        |            | 14                         | 5           | 1          |                   |     |        |     |
| 1          | Nhà trẻ                                               | 2              |                  |         | 1  | 1      |        |            |                            |             | 1          |                   |     |        |     |
| 2          | Mẫu giáo                                              | 19             |                  |         | 17 | 2      |        |            | 14                         | 5           |            |                   |     |        |     |
| <b>II</b>  | <b>Cán bộ quản lý</b>                                 | 3              |                  |         | 3  |        |        |            |                            | 1           | 2          |                   |     |        |     |
| 1          | Hiệu trưởng                                           | 1              |                  |         | 1  |        |        |            |                            |             | 1          |                   |     |        |     |
| 2          | Phó hiệu trưởng                                       | 2              |                  |         | 2  |        |        |            |                            | 1           | 1          |                   |     |        |     |
| <b>III</b> | <b>Nhân viên</b>                                      | 8              |                  |         |    |        |        |            |                            |             |            |                   |     |        |     |
| 1          | Nhân viên VT                                          | 0              |                  |         |    |        |        |            |                            |             |            |                   |     |        |     |
| 2          | Nhân viên KT                                          | 1              |                  |         |    |        |        |            |                            |             |            |                   |     |        |     |
| 3          | Thủ quỹ                                               | 0              |                  |         |    |        |        |            |                            |             |            |                   |     |        |     |
| 4          | Nhân viên Y Tế                                        | 1              |                  |         |    |        |        |            |                            |             |            |                   |     |        |     |
| 5          | NV thư viện                                           | 0              |                  |         |    |        |        |            |                            |             |            |                   |     |        |     |
| 6          | Nhân viên khác                                        | 6              |                  |         |    |        |        |            |                            |             |            |                   |     |        |     |

Cử Chi ngày 31 tháng 01 năm 2024

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



**Phạm Thị Minh Hiếu**